

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch dư nợ cho vay hộ nghèo,
cận nghèo vốn Trung ương năm 2013**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Công văn số 1081/NHCS-KHNV ngày 23/4/2013 của Tổng giám đốc Ngân hàng chính sách xã hội về việc điều hành chỉ tiêu kế hoạch đối với chương trình tín dụng hộ cận nghèo;

Xét đề nghị của Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Chính sách Xã hội tỉnh Bình Định tại tờ trình số 671/TTr-NHCSBD ngày 20/9/2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch dư nợ từ chương trình cho vay hộ nghèo sang chương trình cho vay hộ cận nghèo vốn Trung ương năm 2013 (có bảng phân bổ chi tiết kèm theo).

Điều 2. Giao Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh chỉ đạo phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội các huyện, thị xã, thành phố hướng dẫn quy trình, thủ tục cho vay đúng đối tượng quy định.

Điều 3. Quyết định này điều chỉnh, bổ sung Quyết định 940/QĐ-UBND ngày 15/4/2013, Quyết định số 1196/QĐ-UBND ngày 10/5/2013, Quyết định số 1511/QĐ-UBND ngày 10/6/2013, Quyết định số 1999/QĐ-UBND ngày 24/7/2013 và Quyết định số 2379/QĐ-UBND ngày 30/8/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính; Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. /

Nơi nhận:

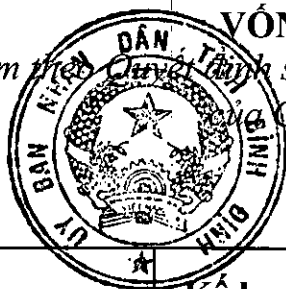
- Như Điều 4;
- CT, PCT Mai Thanh Thắng;
- PVP VX;
- Lưu: VT, K16.

Mai Thanh Thắng



**KẾ HOẠCH DƯ NỢ CHO VAY HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO
VỐN TRUNG ƯƠNG NĂM 2013**

(Kèm theo Quyết định số **2719** /QĐ-UBND ngày **26** tháng 9 năm 2013
của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định)



Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Địa phương	Kế hoạch đã thông báo 2013		Điều chỉnh kế hoạch dư nợ năm 2013		Tăng, giảm so kế hoạch thông báo	
		Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Hộ nghèo	Hộ cận nghèo
1	TP Quy Nhơn	21.140	2.500	21.140	2.500	-	-
2	Huyện Tuy Phước	61.390	6.750	61.390	4.250	-	-2.500
3	Huyện Vân Canh	57.401	2.800	56.401	3.800	-1.000	+1.000
4	Thị xã An Nhơn	60.354	9.850	60.354	9.850	-	-
5	Huyện Tây Sơn	75.869	10.450	75.869	12.450	-	+2.000
6	Huyện Vĩnh Thạnh	79.085	5.800	74.085	4.800	-5.000	-1.000
7	Huyện Phù Cát	98.701	11.650	98.701	13.150	-	+1.500
8	Huyện Phù Mỹ	88.487	13.500	88.487	18.000	-	+4.500
9	Huyện Hoài Ân	76.917	11.000	76.917	11.000	-	-
10	Huyện Hoài Nhơn	100.948	15.300	100.948	21.300	-	+6.000
11	Huyện An Lão	67.039	2.600	62.539	1.600	-4.500	-1.000
Tổng cộng		787.331	92.200	776.831	102.700	-10.500	+10.500